

Số: 264/2025/QĐST-HNGĐ

Đà Nẵng, ngày 29 tháng 10 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - ĐÀ NẴNG

Căn cứ Điều 212, Điều 213, Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;
Căn cứ Điều 55, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật
Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban
Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án
phí, lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự sơ thẩm thụ lý số: 286/2025/TLST-HNGĐ
ngày 21 tháng 10 năm 2025 về việc “*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, nuôi con
chung*”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Ông **Bạch Trọng C**, sinh ngày 01/08/1980; Số căn cước công dân: 060080001843
do Cục trưởng Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 19/04/2021;
Địa chỉ: C N, phường S, Thành phố Đà Nẵng.

- Bà **Phan Thị C1**, sinh ngày 10/09/1985; Số căn cước công dân: 051185004671
do Bộ C2 cấp ngày 03/09/2025; Địa chỉ: C N, phường S, Thành phố Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Ông Bạch Trọng C và bà Phan Thị C1 kết hôn trên cơ sở
tự nguyện, có đăng ký tại Ủy ban nhân dân phường T, quận H, Thành phố Đà Nẵng vào
ngày 06/6/2023, là hôn nhân hợp pháp.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự cho thấy quá trình
chung sống giữa ông Bạch Trọng C và bà Phan Thị C1 có phát sinh nhiều mâu thuẫn.
Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống. Gia đình có hoà giải tuy nhiên
chưa có kết quả. Tòa án đã tiến hành hoà giải đoàn tụ nhưng không thành. Việc ông
Bạch Trọng C và bà Phan Thị C1 yêu cầu được thuận tình ly hôn là hoàn toàn tự nguyện,

phù hợp với quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình nên cần công nhận yêu cầu thuận tình ly hôn của ông bà.

[2]. Về con chung: Ông Bạch Trọng C và bà Phan Thị C1 xác định có 01 con chung là Bạch Phan Trí T, sinh ngày 18/01/2025. Khi ly hôn ông bà thỏa thuận giao con chung cho ông Bạch Trọng C trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung thành niên, bà Phan Thị C1 không cấp dưỡng nuôi con.

Việc thỏa thuận nuôi con của ông Bạch Trọng C và bà Phan Thị C1 là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp quy định tại các Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình nên cần công nhận sự thỏa thuận của ông bà.

[3]. Về tài sản chung: Ông Bạch Trọng C và bà Phan Thị C1 tự thỏa thuận nên không đề cập giải quyết.

[4]. Về các vấn đề khác: Ông Bạch Trọng C và bà Phan Thị C1 xác định không có nợ chung nên không xem xét.

[5]. Về lệ phí Tòa án: Căn cứ khoản 2 Điều 149 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án ông Bạch Trọng C và bà Phan Thị C1 phải chịu mỗi người 150.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí ông bà đã nộp.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa ông Bạch Trọng C và bà Phan Thị C1 (Giấy chứng nhận kết hôn số 46 do Ủy ban nhân dân phường T, quận H, thành phố Đà Nẵng (nay là Ủy ban nhân dân phường H, thành phố Đà Nẵng) cấp vào ngày 06/6/2023 không còn giá trị pháp lý).

1.2. Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận giữa ông Bạch Trọng C và bà Phan Thị C1 về việc nuôi con chung như sau: Giao con chung là Bạch Phan Trí T, sinh ngày 18/01/2025 cho ông Bạch Trọng C trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung thành niên. Bà Phan Thị C1 không cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, cha mẹ có quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Khi cần thiết vì lợi ích của con chung, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, cấp dưỡng nuôi con.

1.3. Về tài sản chung: Ông Bạch Trọng C và bà Phan Thị C1 tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

1.4. Về các vấn đề khác: Ông Bạch Trọng C và bà Phan Thị C1 xác định không có nợ chung.

1.5. Lệ phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông Bạch Trọng C và bà Phan Thị C1 phải chịu mỗi người 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) ông Bạch Trọng C và bà Phan Thị C1 đã nộp tại Thi hành án dân sự Thành phố Đà Nẵng theo biên lai thu số 0004283 ngày 21 tháng 10 năm 2025.

2. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngày sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND Khu vực 2 - Đà Nẵng;
- Toà án nhân dân thành phố Đà Nẵng;
- UBND phường Hải Châu, thành phố

Đà Nẵng;

- THADS thành phố Đà Nẵng;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Lê Thị Thúy Hằng